

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 5 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thịnh***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Ông Phạm Công Gia**

**2. Ông Nguyễn Trọng Lâm**

***Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:***  
**Bà Trương Thị Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/4/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị P, Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Ông Hồ Văn D, Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

*(Tại phiên tòa vắng mặt bà P (bà P có đơn xin vắng mặt), ông D triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2021, lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị P thể hiện:*

Bà và ông Hồ Văn D tự tìm hiểu yêu thương rồi tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1995 nhưng đến năm 2007 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/9/2007. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D thường xuyên uống rượu bia, sau khi uống rượu say

thì xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà và còn đánh đập bà. Bà đã chịu đựng và nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông D không thay đổi. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Nay bà không còn tình cảm với ông D nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Văn D.

Về con chung: Bà và ông D có 03 (ba) con chung là Hồ Thị Kim N, sinh ngày 06/10/1996; Hồ Thị Kim H, sinh ngày 06/11/1999 và Hồ Mạnh Quân, sinh ngày 12/01/2012. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Mạnh Quân và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Hồ Thị Kim N và Hồ Thị Kim H đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông D tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông D không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà P đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà P, ông D (Bản sao); Giấy khai sinh của con (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản xác minh về sự có mặt của đương sự tại địa phương, việc đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân của các đương sự. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà P được ly hôn ông D.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Hồ Mạnh Quân, sinh ngày 12/01/2012 cho bà P nuôi dưỡng và tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông D do bà P không yêu cầu.

Đối với con chung Hồ Thị Kim N và Hồ Thị Kim H đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án xem xét. Vì không có lời khai của ông D nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nợ chung: Bà P khai báo không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của ông D nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Điều luật áp dụng: Điều 18, 85, 86, 88, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, 205 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa, bà P vắng mặt do bà có đơn xin vắng mặt, ông D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: ông D có địa chỉ tại Ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Bà P yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 03/3/2021 bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà P là nguyên đơn, ông D là bị đơn trong vụ án.

- Nguyên đơn bà Dương Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Hồ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà P và ông D được xác lập vào năm 2007, được Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/9/2007. Bà P có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Xét lời khai của bà P và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng ông bà sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, ông D nhậu nhẹt có những lời lẽ xúc phạm bà P, vợ chồng không đồng lòng chung sức chăm lo

cho gia đình. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà P yêu cầu ly hôn với ông D.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà P, ông D không còn hạnh phúc, ông D không có trách nhiệm với gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt và có những lời lẽ xúc phạm đến bà P, từ đó cả hai không còn quan tâm trao đổi qua lại với nhau để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã Thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ bà P không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bị đơn ông D vắng mặt đã được Tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Do ông D vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu nào của ông D.

Như vậy, có căn cứ xác định ông D, bà P đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, cho bà P được ly hôn với ông D.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: bà P khai báo có 03 (ba) con chung là Hồ Thị Kim N, sinh ngày 06/10/1996; Hồ Thị Kim H, sinh ngày 06/11/1999 và Hồ Mạnh Quân, sinh ngày 12/01/2012. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Mạnh Quân và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Hồ Thị Kim N và Hồ Thị Kim H đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng nuôi con của bà P: Khi ly hôn, các bên đều có quyền được nuôi con, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông D không có mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của ông D đối với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Do con chung còn nhỏ và quen với môi trường chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay nhằm đảm bảo ổn định tâm lý cho con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà P điều này cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D về yêu cầu này vì vậy khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Bà P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đang sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91, 92, 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị P.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị P được ly hôn ông Hồ Văn D.

- Về con chung: Bà P và ông D có 03 con chung là Hồ Thị Kim N, sinh ngày 06/10/1996; Hồ Thị Kim H, sinh ngày 06/11/1999 và Hồ Mạnh Quân, sinh ngày 12/01/2012.

Giao con chung là Hồ Mạnh Quân cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với con chung Hồ Thị Kim N và Hồ Thị Kim H đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời ông Hồ Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà P không yêu cầu. ông D có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét do bà P không yêu cầu. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

**2. Về án phí:** Bà P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004017 ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh ĐN chuyển thành án phí.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bà Dương Thị P và ông Hồ Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện TP;
- Chi cục THA huyện TP;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PT, huyện TP (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 76, ngày 13/9/2007);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thịnh**

